

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15- 4 - 2022
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC- TỈNH HÒA BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Thanh Xuân**

2. Bà **Bùi Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nhạn**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2021/TLST- HNGĐ ngày 12/10/2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST- HN&GD, ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1998.

ĐKNKTT và cư trú: Xóm K, xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Hiện ở: Phố L, xã Ph, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn : Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1993.

ĐKNKTT: Xóm K, xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam:

Người đại diện: Ông **Dương Quyết Thắng**, Tổng Giám đốc.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**, Giám đốc

Địa chỉ: Khu Mường Đăm, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 12/10/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T, sau quá trình tự do tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 02/8/2017. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm K, xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc bình thường trong 03 năm đầu sau khi kết hôn, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Chị L cho rằng trong cuộc sống vợ chồng anh T thiếu quan

tâm, chăm sóc gia đình, vợ con, anh đi làm ăn xa nhưng không mang kinh tế về cho chị để chị chăm sóc nuôi dưỡng con. Chị góp ý anh T không thay đổi. Chị cũng nhờ bố mẹ, gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không chuyên biến và sau nhiều lần khuyên giải không được chị ôm con ra phố L làm thuê, sinh sống. Dù vậy, anh T cũng vẫn không thay đổi, không thêm quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị như thế nào; không đóng góp chu cấp và sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị L gửi đơn yêu cầu xin được ly hôn anh T để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Có 01 con là Bùi Tuấn A, sinh ngày 20/11/2014. Khi ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con và chưa yêu cầu anh T đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung chị không ngăn cản.

Về tài sản chung, Công nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có xây dựng được căn nhà trên đất của bố mẹ anh T bằng tiền của vợ chồng và 40.000.000đ vay Ngân hàng chính sách. Chị đề nghị để lại nhà và vật dụng sinh hoạt gia đình cho anh T sử dụng đồng thời yêu cầu anh T phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay Ngân Hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch chi nhánh huyện Tân Lạc.

Về án phí: Nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ .

Vì phía bị đơn anh Bùi Văn T đã được triệu tập ra tòa làm việc, Tòa đã báo về phiên họp tiếp cận, giao nộp và công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh T không hợp tác, không đến Tòa giải quyết. Để giải quyết vụ án, chị L đã có đơn đề nghị không cần lấy lời khai hay tổ chức phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tiến hành hòa giải với anh Bùi Văn T nữa. Chị Bùi Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh Bùi Văn T cố tình trốn tránh nên Tòa đã tiến hành tổng đạt giấy báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày xét xử lần thứ nhất, anh Bùi Văn T vẫn không có mặt và không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn theo quy định của Pháp luật.

Đến phiên tòa lần thứ hai. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc cũng đã tiến hành tổng đạt giấy báo cũng như quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định ngày xử tiếp theo và tổng đạt cho anh Bùi Văn T: Tuy nhiên, đến ngày xét xử, anh Bùi Văn T vẫn vắng mặt không có lý do.

Như vậy: Anh Bùi Văn T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh Việt Nam Phòng giao dịch huyện Tân Lạc xin xét xử vắng mặt với quan điểm: Gia đình Bùi Văn T có nợ ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh huyện Tân Lạc số tiền gốc 40.000.000đ theo chương trình cho vay hộ nghèo nhưng hạn thanh toán đến 2024. Nay vợ chồng ly hôn, chị L không lấy tài sản gì từ nhà anh T; Anh T là người ở lại và được sử dụng toàn bộ nhà đất và vật dụng gia đình hơn nữa anh T là người đứng tên sổ vay vì vậy khi ly hôn yêu cầu anh Bùi Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng cả gốc và lãi khi đến kỳ hạn thanh toán.

Nguyên đơn, chị Bùi Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm. Tuy nhiên vì bận công việc không thể về để có mặt tại phiên tòa; Chị Bùi Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng: Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định. Các đương sự không có mặt nhưng theo quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có cơ sở.

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị L là phù hợp với tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị L và anh T là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và xử cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung cần áp dụng quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật: Cháu Tuấn A đã lớn có nguyện vọng xin ở với mẹ; cháu hiện đang ở với mẹ và được mẹ chăm lo đầy đủ, do đó không nên sáo trộn cuộc sống của cháu; và vì anh T cố tình trốn tránh không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nên chấp nhận nguyện vọng của cháu: Giao cháu Tuấn A cho mẹ trực tiếp chăm sóc giáo dục là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L chưa yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: Áp dụng khoản 1 điều 60, luật HNGĐ chấp nhận sự tự nguyện của chị L để toàn bộ tài sản cho anh T sử dụng và anh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ gốc và lãi cho ngân hàng chính sách khi đến hạn. Về trách nhiệm nộp án phí: Cần áp dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là chị Bùi Thị L và bị đơn anh Bùi Văn T, trước trú tại xóm K, xã P sau mâu thuẫn chị L đã trở lại phố L, xã Ph, huyện Tân Lạc; anh T vẫn sinh sống và cư trú tại xóm K, xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình nên chị L khởi kiện vụ án, Tòa xác định là nguyên đơn. Anh T là người bị khởi kiện là bị đơn và Ngân hàng chính sách xã hội, phòng giao dịch Tân Lạc là người cho vay là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do anh T thiếu trách nhiệm với vợ con. Khi chị L góp ý, vợ chồng xung đột khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Chị L đưa con ra phố sinh sống, làm việc những mong anh T sửa đổi quay về đoàn tụ gia đình nhưng anh T vẫn không quan tâm đoái hoài đến gia đình, vợ con. Xác định: Tình cảm vợ chồng không còn, để đảm bảo cho tương lai chị có yêu cầu xin được ly hôn anh Bùi Văn T.

Xét hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T được xác định là hôn nhân hợp pháp, từ sau khi kết hôn, vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa

không thể hòa hợp, anh T đã không có giải pháp gì để chị L tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn.

Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T có 01 con là Bùi Tuấn A, sinh ngày 20/11/2014. Trong quá trình giải quyết, chị Bùi Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con và chưa yêu cầu anh T đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đã chuyển con ra phố L sinh sống và cho con ăn học đầy đủ và có cuộc sống khá tốt. Chị có việc làm và thu nhập ổn định 8.000.000đ/tháng đủ để đảm bảo cho con ăn học. Chị đề quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh T mà không ngăn cản.

Xét: Anh Bùi Văn T, mặc dù được quyền xin nuôi dưỡng giáo dục con. Tuy nhiên, anh hiện là lao động tự do, phải đi làm ăn xa, nơi làm và thu nhập không ổn định việc thực hiện nghĩa vụ nuôi con khó khăn hơn chị L. Hiện cháu Bùi Tuấn A đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng xin ở với mẹ; cháu cần sự chăm sóc của người mẹ và hiện tại cháu đang được mẹ nuôi dưỡng và chăm sóc tốt. Thấy không nên sáo trộn cuộc sống, học tập và sinh hoạt của cháu. Bởi vậy, nên giao con Bùi Tuấn A, sinh ngày 20/11/2014 cho chị Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và chấp nhận sự tự nguyện của chị L chưa yêu cầu anh Bùi Văn T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định có nhà đất và các vật dụng do ông bà cho tại xóm K, xã P, huyện Tân Lạc nhưng để lại toàn bộ cho anh T sử dụng và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm thanh toán trả ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc 40.000.000 đ và lãi xuất khi đến hạn; Xét nguyện vọng của chị L phù hợp với quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch Chi nhánh huyện Tân Lạc. Bởi vậy nên giao toàn bộ nhà đất và các vật dụng sinh hoạt của vợ chồng tại xóm K, xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình cho anh Bùi Văn T quản lý và sử dụng. Đồng thời buộc anh Bùi Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch Chi nhánh huyện Tân Lạc 40.000.000đ và lãi xuất khi đến hạn;

[5]Về án phí:

Chị Bùi Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, khoản 1 điều 60, điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Bùi Văn T

- Về con chung : Giao con Bùi Tuấn A, sinh ngày 20/11/2014 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị L chưa yêu cầu anh Bùi Văn T phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung ; không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Công nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị L: Để nhà đất và các vật dụng sinh hoạt gia đình tại xóm K, xã P, huyện Tân Lạc cho anh Bùi Văn T sử dụng; Anh Bùi Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc 40.000.000 đ và lãi xuất khi đến hạn;

- Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Lạc theo biên lai số: 0002647 ngày 12/10/2021.

Nguyên đơn - Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xét xử hoặc kết quả bản án được niêm yết

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THA huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã P-Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng